

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐỀ ÁN
SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀO MỤC ĐÍCH
CHO THUÊ TẠI TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 57/QĐ-TTUD ngày 30/5/2025 của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ)

Bình Dương, tháng 5 năm 2025

Số: 07/TTUD-ĐA

Bình Dương, ngày 30 tháng 5 năm 2025

ĐỀ ÁN

Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại Trung tâm Ứng dụng tiền bộ khoa học và công nghệ

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đề án đổi mới tổ chức hoạt động của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sang hoạt động theo cơ chế tự trang trải kinh phí theo quy định tại Nghị định 115/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 6/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

a) Chức năng

Nghiên cứu, ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của tỉnh, sản xuất và đời sống; sản xuất thực nghiệm, kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ.

Dịch vụ ứng dụng năng lượng nguyên tử và phân tích hoạt độ các chất phóng xạ; thử nghiệm, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; an toàn, vệ sinh lao động; tư vấn năng lượng phục vụ sản xuất và đời sống và dịch vụ khoa học và công nghệ khác được cơ quan thẩm quyền quy định.

b) Nhiệm vụ

Tham gia xây dựng các văn bản pháp luật, các chương trình, kế hoạch về ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ tại địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch nhiệm vụ dài hạn, hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt; tổ chức theo dõi, đánh giá, tổng kết, báo cáo định kỳ về hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;

Tổ chức hoạt động hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao;

Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong và ngoài nước vào các lĩnh vực sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường;

Tổ chức thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm; đào tạo, chuyển giao, thương mại hóa và nhân rộng các kết quả của đề tài và dự án sản xuất thử nghiệm;

Tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế, xã hội;

Lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương đối với các sản phẩm mới;

Tổ chức xây dựng, lắp đặt và chế tạo thiết bị, sản xuất các sản phẩm hoặc các công trình phục vụ sản xuất và đời sống sau khi nghiên cứu thành công hoặc nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức khoa học, công nghệ trong và ngoài nước;

Thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên, các hoạt động sự nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ; thực hiện dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện các hoạt động tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ và cung cấp, liên kết các dịch vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, gồm: hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ, hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ về kiểm tra và phân tích kỹ thuật, hoạt động dịch vụ thử nghiệm, đào tạo, đào tạo nâng cao về hoạt động an toàn bức xạ, hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện vệ sinh an toàn lao động, các hoạt động kiểm toán năng lượng, giải pháp tiết kiệm năng lượng, các hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;

Quản lý về công tác tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của Trung tâm theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của Sở Khoa học và Công nghệ;

Tham gia và tổ chức thực hiện các hoạt động trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm giới thiệu, quảng bá công nghệ và kinh doanh các sản phẩm công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

Xây dựng và cung cấp dữ liệu về công nghệ, chuyên gia công nghệ phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người dân; tổ chức các cuộc tham quan các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong và ngoài tỉnh;

Xây dựng các mô hình trình diễn về ứng dụng các công nghệ mới, các kỹ thuật tiên bộ và phổ biến, nhân rộng phù hợp với địa phương;

Xác định nhu cầu cần hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhu cầu ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ tại địa phương; thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân đổi mới công nghệ;

Thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế, hợp tác nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

Thực hiện sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giao.

2.2. Cơ cấu tổ chức của đơn vị

Ban giám đốc: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Phòng chuyên môn có 03 phòng: 17 viên chức và người lao động, bao gồm:

- Văn phòng: 05 người.
- Phòng Nghiệp vụ 1: 08 người.
- Phòng Nghiệp vụ 2: 04 người.

2.3. Đối tượng phục vụ (cung cấp dịch vụ công) của đơn vị

Đối tượng phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ công của đơn vị trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân là các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng liên quan đến dịch vụ hỗ trợ năng lượng nguyên tử theo quy định của pháp luật, gồm:

- Các cơ quan có chức năng quản lý an toàn, an ninh bức xạ, hạt nhân.
- Các đơn vị sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ (bệnh viện, cơ sở y tế, viện nghiên cứu, nhà máy công nghiệp...).
- Các công ty tư nhân, doanh nghiệp nhà nước sử dụng công nghệ hạt nhân trong sản xuất, nghiên cứu, kiểm tra không phá hủy (NDT), chiếu xạ, y tế...

2.4. Các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

Các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử bao gồm: hiệu chuẩn, kiểm định, kiểm xạ, bảo trì, sửa chữa thiết bị ghi đo bức xạ; cung cấp, đọc và phân tích liều kế cá nhân; quản lý và lưu trữ dữ liệu liều chiếu xạ; tư vấn, đào tạo liên quan đến việc sử dụng thiết bị đo bức xạ và giám sát liều cá nhân nhằm bảo đảm an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ, người dân và các tổ chức, cá nhân có sử dụng thiết bị phát bức xạ.

2.5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong 03 năm gần nhất (2022 - 2024) và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo (2025 - 2027)

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong 03 năm (2022 - 2024)

❖ Đề tài, dự án:

Năm 2023, huyện Dầu Tiếng triển khai dự án Bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Dầu Tiếng” cho sản phẩm cam và bưởi của huyện Dầu Tiếng, hoàn thành các mục tiêu:

- Khảo sát, xác định đặc trưng sản phẩm, ghi nhận diện tích canh tác không đồng đều (1–10 ha), vùng Minh Hòa có nhiều hộ áp dụng VietGAP.

- Đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Cam Dầu Tiếng, hình” và “Bưởi Dầu Tiếng, hình” (số VN-4-2022-14755 và 14756, cấp ngày 03/11/2023).

- Xây dựng và triển khai mô hình quản lý nhãn hiệu, hệ thống quảng bá và sử dụng nhãn hiệu tại HTX Minh Hòa Phát, gồm: quy chế sử dụng, quy trình cấp/thu hồi quyền sử dụng, bộ tài liệu hướng dẫn, sơ đồ mô hình quản lý.

- Dự án tổ chức tập huấn cho 48 nông dân, 14 cán bộ quản lý nhãn hiệu, 6 người vận hành mô hình trình diễn; kết thúc bằng hội thảo đúc kết kinh nghiệm và công bố nhãn hiệu tập thể “Cam Dầu Tiếng”, “Bưởi Dầu Tiếng”.

- Thực hiện hướng dẫn kỹ thuật trồng và nhân giống năm ăn với số lượng 05 người trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

❖ **Nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao:**

Trung tâm được Sở Khoa học và Công nghệ giao thực hiện nhiệm vụ “Duy trì, bảo quản thiết bị, dụng cụ an toàn bức xạ để phục vụ quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh”, với kinh phí giải ngân như sau:

- Năm 2022: Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ là 64.956.000 đồng (đạt tỷ lệ 90,2% so với dự toán giao là 72.000.000 đồng).

- Năm 2023: Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ là 70.980.000 đồng (đạt tỷ lệ 89,85% so với dự toán giao là 79.000.000 đồng).

- Năm 2024: Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ là 270.336.000 đồng (đạt tỷ lệ 60,48% so với dự toán giao là 447.000.000 đồng).

❖ **Hoạt động dịch vụ**

Thực hiện dịch vụ ứng dụng năng lượng nguyên tử, kiểm tra không phá hủy và phân tích hoạt độ các chất phóng xạ; Thử nghiệm, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; an toàn, vệ sinh lao động; tư vấn năng lượng kiểm toán năng lượng phục vụ sản xuất và đời sống và dịch vụ khoa học và công nghệ khác được cơ quan thẩm quyền quy định; Đào tạo huấn luyện nghiệp vụ về an toàn bức xạ, an toàn lao động và một số ngành nghề khác phù hợp theo quy định pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

b) Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo (2025 - 2027)

❖ **Về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:**

Tham gia xây dựng các văn bản pháp luật, các chương trình, kế hoạch về ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ tại địa phương; xây dựng chương

trình, kế hoạch nhiệm vụ dài hạn, hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt; tổ chức theo dõi, đánh giá, tổng kết, báo cáo định kỳ về hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ tại địa phương;

Tổ chức hoạt động hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ được giao;

Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong và ngoài nước vào các lĩnh vực sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường;

Tổ chức thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm; đào tạo, chuyển giao, thương mại hóa và nhân rộng các kết quả của đề tài và dự án sản xuất thử nghiệm;

Tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn: Thực hiện dịch vụ cung cấp, đọc liều chiếu xạ cá nhân; xác định thông số kỹ thuật kiểm tra thiết bị X quang chuẩn đoán y tế; kiểm xạ; phân tích hoạt độ các chất phóng xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Tư vấn, tổ chức và phối hợp đào tạo an toàn bức xạ;

Lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương đối với các sản phẩm mới;

Tổ chức xây dựng, lắp đặt và chế tạo thiết bị, sản xuất các sản phẩm hoặc các công trình phục vụ sản xuất và đời sống sau khi nghiên cứu thành công hoặc nhận chuyển giao công nghệ từ các tổ chức khoa học công nghệ trong và ngoài nước;

Thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên, các hoạt động sự nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước của Sở; thực hiện dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện các hoạt động tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ và cung cấp các dịch vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

Quản lý về công tác tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của Trung tâm theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của Sở KH&CN;

Tham gia và tổ chức thực hiện các hoạt động trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm giới thiệu quảng bá công nghệ và kinh doanh các sản phẩm công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

Xây dựng và cung cấp dữ liệu về công nghệ, chuyên gia công nghệ phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người dân; tổ chức các cuộc tham quan các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong và ngoài tỉnh;

Xây dựng các mô hình trình diễn về ứng dụng các công nghệ mới, các kỹ thuật tiến bộ và phổ biến nhân rộng phù hợp với địa phương;

Xác định nhu cầu cần hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhu cầu ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ tại địa phương; thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân đổi mới công nghệ;

Thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế, hợp tác nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

Thiết lập, duy trì, bảo quản và khai thác hệ thống chuẩn trong lĩnh vực an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử của tỉnh; tham gia các đoàn thanh, kiểm tra nhà nước về an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước thẩm quyền;

Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thử nghiệm, kiểm định kỹ thuật vệ sinh lao động; tư vấn năng lượng, quan trắc môi trường lao động;

Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thử nghiệm, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân; quan trắc môi trường lao động kiểm tra không phá hủy; tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng và thực hiện giải pháp tiết kiệm năng lượng;

Thực hiện dịch vụ chuyên môn khoa học và công nghệ khác: Tư vấn, đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động, giáo dục nghề nghiệp và một số ngành nghề có tính ứng dụng cao.

❖ Về thực hiện thu sự nghiệp:

Tiếp tục sử dụng, khai thác có hiệu quả tài sản công được giao nhằm tăng nguồn thu sự nghiệp cho đơn vị, cụ thể: Tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá năng lực cũng như đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ và thực hiện dịch vụ ứng dụng năng lượng nguyên tử, kiểm tra không phá hủy và phân tích hoạt độ các chất phóng xạ; Thử nghiệm, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; an toàn, vệ sinh lao động; tư vấn năng lượng kiểm toán năng lượng phục vụ sản xuất và đời sống và dịch vụ khoa học và công nghệ khác được cơ quan thẩm quyền quy định; Đào tạo huấn luyện nghiệp vụ về an toàn bức xạ, an toàn lao động và một số ngành nghề khác phù hợp theo quy định pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị theo các nhóm tài sản

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở KH&CN, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 về việc phê duyệt Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ theo cơ chế tự trang trải kinh phí theo quy định tại

Nghị định số 115/2005/NĐ-CP với tổng giá trị tài sản được giao quản lý và sử dụng khi chuyển đổi là 18.008.352.000 đồng (*Mười tám tỷ, không trăm lẻ tám triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn đồng*). Tổng giá trị tài sản còn lại tại thời điểm 31/12/2024 là 2.623.728.870 đồng (*Hai tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi đồng*), bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất

Trụ sở làm việc của Trung tâm được xây dựng mới vào năm 2009, được tu bổ vào năm 2016 và quản lý, sử dụng đúng mục đích theo quy định. Cụ thể:

Trụ sở làm việc: Công trình cấp IV, số tầng 02 tầng, gồm 01 trệt, 01 lầu với tổng diện tích sàn: 999,6 m² bao gồm:

+ Diện tích sàn mặt bằng tầng trệt: 521,8 m².

+ Diện tích sàn mặt bằng tầng lầu: 477,8 m².

(Đvt: Triệu đồng)

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến 31/12/2024
1	Trụ sở làm việc	999,6 m ²	3.477	1.723
2	Nhà xe (tạm)	130,6 m ²	71	26

b) Quyền sử dụng đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp

Trụ sở của Trung tâm nằm trên thửa đất tại địa chỉ số 26 đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được cấp cho Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Sở KH&CN) sử dụng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 15QSDĐ/2000 ngày 25/01/2000, có tổng diện tích là 4.287 m² (sau đây gọi tắt là thửa đất số 26 Huỳnh Văn Nghệ); hiện nay có 03 cơ quan, đơn vị có nhà làm việc, công trình sự nghiệp đặt tại khu đất, bao gồm: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng (2 đơn vị trực thuộc Sở KH&CN) và Sở Tài nguyên và Môi trường (được tạm giao trụ sở Sở KH&CN (cũ) để bố trí các đơn vị gồm: Trung tâm Quan trắc kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường và Hội Nạn nhân chất độc da cam) (theo Công văn số 1753/UBND-KTTH ngày 27/4/2018 về việc bố trí trụ sở làm việc tạm cho các đơn vị trực thuộc Sở TN&MT và Sở KH&CN).

Ngày 14/7/2022, Sở KH&CN đã có Công văn số 600/SKH&CN-VP về việc báo cáo, kê khai, tổng hợp, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP (lần 2); trong đó, đã đề xuất phương án: giao 795,6 m² đất tương ứng với diện tích xây dựng nhà làm việc, công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động

sự nghiệp của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ giao cho Trung tâm tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngày 19/3/2024, Sở Tài chính đã có Công văn số 852/STC-QLGCS về việc tạm thời quản lý, sử dụng cơ sở nhà đất của các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 803/SKHCHN-VP ngày 8/4/2024 chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tạm thời quản lý, sử dụng cơ sở nhà đất theo đề nghị của Sở Tài chính.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị

❖ Xe ô tô và phương tiện vận tải khác

Số xe ô tô phục vụ dùng chung được Sở Khoa học và Công nghệ mua sắm giao trực tiếp cho đơn vị quản lý năm 2012, sử dụng phục vụ cho công tác chuyên môn là 01 xe, hiệu Toyota Hilux 2.5E bán tải 05 chỗ ngồi, biển số 61A - 003.71 và được duy tu, bảo dưỡng vào tháng 8/2022.

(Đvt: Triệu đồng)

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến 31/12/2024
1	Xe bán tải hiệu Toyota Hilux	01	536	140

- Mục đích sử dụng xe: Bố trí phương tiện vận tải thường trực cho công tác ứng phó sự cố bức xạ, thu gom, vận chuyển nguồn phóng xạ khi có sự cố.

- Đối tượng sử dụng xe: Phục vụ quản lý nhà nước, chuyên chở thiết bị phóng xạ và phục vụ cho công tác chuyên môn của đơn vị.

Việc sử dụng xe luôn tính đến tiết kiệm và hiệu quả công việc, xe được giao cho 01 tài xế phụ trách, tài xế có trách nhiệm sử dụng, bảo quản, vệ sinh xe sạch sẽ. Định kỳ theo quy định, bảo trì, bảo dưỡng xe, đảm bảo xe hoạt động tốt và an toàn khi tham gia giao thông.

Nhìn chung việc sử dụng xe ô tô đều đúng mục đích, không có hiện tượng dùng xe công phục vụ cá nhân hoặc phục vụ công tác không đúng chức danh. Trung tâm đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng xe, định mức chi phí cho việc sử dụng xe được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Chi phí sử dụng, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng xe được công khai hàng năm cùng với việc công khai sử dụng kinh phí chung của đơn vị.

❖ Máy móc thiết bị chuyên dùng, thiết bị văn phòng

Tổng nguyên giá máy móc thiết bị chuyên dùng, thiết bị văn phòng là 10.524 triệu đồng, giá trị còn lại tính đến thời điểm 31/12/2024 là 735 triệu đồng. Thực trạng quản lý tài sản công tại Trung tâm thể hiện chi tiết theo nhóm tài sản như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo).

1.2. Tài sản đang sử dụng vào mục đích cho thuê

a) **Chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, thời hạn sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê:**

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Thời hạn sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê (năm)
1	Liều kế nhiệt phát quang màu xanh (model: TLD-100, nhà sản xuất: Thermo Fisher Scientific (Thermo Eberline LLC) - Mỹ (bao gồm 2.400 cái Chip)	1.200	4.608	488	01
2	Liều kế nhiệt phát quang màu đen (model: MTS-N, hãng sản xuất: Radpro - Đức)	450	446	290	01

b) **Hình thức/phương thức sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê:**

Hình thức cho thuê thiết bị ghi đo bức xạ (liều kế cá nhân): Cho thuê trực tiếp.

Thiết bị ghi đo bức xạ (liều kế cá nhân) dùng để đo liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên vận hành thiết bị bức xạ trong y tế, trong công nghiệp (cung cấp cho những tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê).

Việc cho thuê được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật, giá cho thuê do Giám đốc Trung tâm phê duyệt phù hợp với giá cho thuê phổ biến trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ và được niêm yết, thông báo công khai giá trên Trang thông tin điện tử của đơn vị. Sau thời gian thỏa thuận thì bên thuê sẽ giao lại liều kế cho Trung tâm và thanh toán chi phí thuê theo số lượng thực tế thuê.

c) **Kết quả của việc sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê của 03 năm liền trước năm xây dựng đề án** (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi; tỷ trọng doanh thu từ việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị; tỷ trọng tiền do NSNN cấp trong tổng dự toán chi hằng năm của đơn vị).

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tình hình thực hiện thu, chi		
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I	Tổng nguồn thu sự nghiệp	6.485	6.447	7.157
1	Thu sự nghiệp KHCN (NSNN)	65	71	270
2	Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:	6.399	6.356	6.873
-	Thu từ hoạt động dịch vụ	5.740	5.795	6.252
-	Thu từ hoạt động cho thuê	659	561	621
3	Thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có)	21	20	14
II	Tổng nguồn chi sự nghiệp	5.537	5.737	6.174
1	Chi sự nghiệp KHCN (NSNN)	65	71	270
2	Chi từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:	5.224	5.475	5.655
-	Chi từ hoạt động dịch vụ	4.631	4.970	5.096
-	Chi từ hoạt động cho thuê	593	505	559
3	Chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có)	11	13	3
4	Nộp thuế TNDN theo quy định	237	178	246
III	Chênh lệch thu, chi	948	710	983
V	Tỷ trọng doanh thu từ việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	10,2%	8,7%	8,7%
VI	Tỷ trọng tiền do NSNN cấp trong tổng dự toán chi hàng năm của đơn vị	1,2%	1,3%	4,8%

2. Phương án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê

2.1. Phương án sử dụng tài sản công tại đơn vị

a) Tài sản dự kiến sử dụng vào mục đích cho thuê:

- **Chủng loại:** Liều kế nhiệt phát quang, gồm:
 - + Liều kế nhiệt phát quang màu xanh (model: TLD-100, nhà sản xuất: Thermo Fisher Scientific (Thermo Eberline LLC) - Mỹ.
 - + Liều kế nhiệt phát quang màu đen (model: MTS-N, hãng sản xuất: Radpro - Đức).
- **Cấu tạo Liều kế nhiệt phát quang:** *(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo).*
- **Số lượng:** 1.650 liều kế.
- **Nguyên giá:** 5.054.080.000 đồng.
- **Giá trị còn lại:** 486.735.480 đồng.
- **Phần giá trị tài sản trực tiếp sử dụng vào mục đích cho thuê** (nguyên giá, giá trị còn lại) được xác định trên cơ sở tỷ lệ thời gian sử dụng, tần suất sử dụng vào mục đích cho thuê, cụ thể:
 - + Tỷ lệ thời gian sử dụng tài sản (12 tháng trong năm, tức 100% thời gian).
 - + Tần suất sử dụng cho thuê (Thiết bị được gửi lên đo 04 lần, tần suất cho thuê là 100%. Trong đó, Trung tâm sử dụng 40 liều kế dùng để chiếu chuẩn định kỳ hàng năm).
- **Phần giá trị sử dụng cho thuê:**
 - + Nguyên giá dùng cho thuê: $5.054.080.000 \text{ đồng} \times 100\% = 5.054.080.000 \text{ đồng}$.
 - + Giá trị còn lại dùng cho thuê: $486.735.480 \text{ đồng} \times 100\% = 486.735.480 \text{ đồng}$.
- **Tỷ lệ nguyên giá tài sản sử dụng vào mục đích cho thuê so với tổng nguyên giá tài sản đang quản lý, sử dụng:** $5.054.080.000 \text{ đồng} / 14.607.842.076 \text{ đồng} = 34,6\%$.

b) Sự cần thiết của việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê

Tài sản công của Trung tâm được trang bị với mục đích chính là phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, ngoài thời gian phục vụ quản lý nhà nước, Trung tâm sử dụng tài sản để hoạt động thu sự nghiệp tạo thêm nguồn thu.

Việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích cho thuê, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng của đơn vị và theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 57 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: Đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê nếu tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất thì Trung tâm cho thuê thiết bị ghi đo bức xạ (liều kế cá nhân) dùng để đo liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên vận hành thiết bị bức xạ trong y tế, trong công nghiệp (cung cấp cho những tổ

chức, cá nhân có nhu cầu thuê) tạo thêm nguồn thu sự nghiệp, bảo đảm hoạt động theo phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Khả năng đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao khi sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê:

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trực thuộc Sở KH&CN, có chức năng nghiên cứu, ứng dụng, triển khai, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Trung tâm xác định việc thực hiện nhiệm vụ về khoa học và công nghệ của ngành giao là trọng tâm, giúp Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các hoạt động về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của tỉnh được cơ quan thẩm quyền quy định.

Từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo Quyết định 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ, vốn xây dựng cơ bản của nhà nước, trang thiết bị, cơ sở vật chất của Trung tâm được Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ quan tâm đầu tư số lượng 1.650 cái liều kế nhiệt phát quang (bao gồm: 1.200 cái liều kế màu xanh đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và 450 cái liều kế màu đen đầu tư từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm). Trong đó:

- 200 cái liều kế màu xanh (model: TLD-100, nhà sản xuất: Thermo Fisher Scientific (Thermo Eberline LLC) - Mỹ), nhận bàn giao ngày 04/11/2014, là tài sản hình thành từ dự án Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 21/12/2010. Theo đó, mục đích đầu tư ban đầu của dự án là cung cấp được trọn gói về dịch vụ an toàn bức xạ (không phải thông qua trung gian là Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt hoặc Trung tâm Hạt nhân thành phố Hồ Chí Minh), đồng thời Trung tâm cũng không phụ thuộc vào đối tác thứ 3 khi triển khai dịch vụ an toàn bức xạ; quản lý được cơ sở dữ liệu về an toàn bức xạ ở địa phương, các doanh nghiệp ở Bình Dương sẽ tiết kiệm được chi phí; tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ và ứng phó sự cố bức xạ (nếu xảy ra).

- 1.000 cái liều kế màu xanh (model: TLD-100, nhà sản xuất: Thermo Fisher Scientific (Thermo Eberline LLC) - Mỹ), nhận bàn giao ngày 24/11/2015, là tài sản hình thành từ dự án Đầu tư thiết bị phòng phân tích kiểm nghiệm thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 18/10/2012. Theo thống kê tại thời điểm đầu tư dự án thì trên địa bàn tỉnh có trên 500 nhân viên vận hành nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ của hơn 148 đơn vị. Đồng thời, tại Việt Nam chỉ mới có 03 đơn vị được phép thực hiện việc đọc liều kế cá nhân, riêng tại khu vực Đông Nam Bộ chưa có đơn vị nào thực hiện được lĩnh vực này. Việc đầu tư bổ sung 1.000 cái liều kế là nhằm đảm bảo chất lượng khi đọc liều kế cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận; mở rộng khả năng thực hiện

dịch vụ cho khách hàng, tăng doanh thu để tự trang trải kinh phí hoạt động, từ đó hình thành Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nhằm tái đầu tư cho cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong giai đoạn tiếp theo.

- 450 cái Liều kế nhiệt phát quang màu đen (model: MTS-N, hãng sản xuất: Radpro - Đức được mua từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo Công văn số 889/UBND-VX ngày 04/3/2020 nhằm mở rộng khả năng thực hiện dịch vụ cho khách hàng, tăng doanh thu để tự trang trải kinh phí hoạt động.

Như vậy, số lượng liều kế nhiệt phát quang được đầu tư ban đầu với mục đích chính là:

- Ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn (nếu xảy ra);
- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, quản lý các nguồn bức xạ trong tỉnh;
- Kiểm tra, cảnh báo cho các doanh nghiệp và người làm các công tác có sử dụng nguồn bức xạ về mức độ nguy hiểm đến môi trường khu vực, mức ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân viên để các doanh nghiệp và nhân viên có biện pháp chấn chỉnh hoạt động, cũng như điều trị bệnh tật do bức xạ gây ra một cách kịp thời.
- Mở rộng khả năng thực hiện dịch vụ cho khách hàng, tăng doanh thu để tự trang trải kinh phí hoạt động

Bên cạnh đó, theo Kế hoạch số 2327/KH-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì khi xảy ra sự cố, những người tham gia ứng phó mới cần đeo liều kế, đã được trang bị 20 bút đo liều và 20 liều kế cá nhân. Số liều kế này, Sở Khoa học và Công nghệ đã bàn giao cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cất giữ, bảo quản và sử dụng khi có sự cố về bức xạ theo Biên bản bàn giao ngày 26/5/2014.

Đối chiếu Điều 43 Mục 2 Chương 2 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công thì việc sử dụng 1.650 cái liều kế nhiệt phát quang vào mục đích cho thuê của Trung tâm đảm bảo yêu cầu:

- Không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao;
- Sử dụng tài sản đúng mục đích được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; Sử dụng đúng công năng của tài sản; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
- Phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản công: Thời gian, cường độ sử dụng tài sản phải cao hơn, cung cấp được nhiều dịch vụ công hơn cho xã hội.

Trường hợp khi sự cố bức xạ xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Dương, ngoài số lượng liều kế cung cấp cho đội ứng phó đầu tiên là 20 cái (theo Quyết định số 194/QĐ-BCH ngày 12/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, được Sở Khoa

học và Công nghệ giao cho Trung tâm giữ chuẩn thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân) thì Trung tâm vẫn dự trữ số lượng liều kế để sử dụng khi cần thiết hoặc khi có yêu cầu từ Sở Khoa học và Công nghệ để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và công tác ứng phó sự cố.

c) Thời gian thực hiện cho thuê

Thời gian cho thuê tài sản công: 01 năm.

Việc cho thuê và đọc kết quả liều kế sẽ thực hiện theo quy định là 04 lần/năm (định kỳ 03 tháng/1 lần) các tổ chức, cá nhân thuê phải gửi lại liều kế cho Trung tâm để đọc kết quả liều kế, việc cho thuê được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật. Khi hết hạn thời gian cho thuê, Trung tâm sẽ thu hồi toàn bộ số liều kế mà bên thuê đã thuê. Trường hợp làm hư hỏng hoặc mất liều kế thì bên thuê có trách nhiệm bồi hoàn cho bên Trung tâm với số tiền được quy định trong hợp đồng và số tiền đền bù thu được, Trung tâm nộp bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

d) Hình thức/phương thức sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê

Hình thức cho thuê tài sản công: Cho thuê trực tiếp.

e) Phương án tài chính của việc cho thuê

- Dự kiến tổng doanh thu: Doanh thu được ước tính trên cơ sở điều tra khảo sát, thu thập các thông tin về giá cho thuê, giá cung cấp dịch vụ và các yếu tố khác hình thành doanh thu của các khu vực có khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tương đương tại thời điểm lập Đề án.

(Kèm theo 03 báo giá của Công ty/doanh nghiệp hoạt động cùng loại).

- Dự kiến tổng chi phí: Tổng chi phí gồm các khoản chi phí tiền công, tiền lương, chi phí khấu hao và chi phí quản lý.

- Mức nộp ngân sách nhà nước: Theo Điểm b Khoản 5 Điều 43 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thì không phải nộp khoản tiền tối thiểu bằng 2% doanh thu đơn vị sự nghiệp công lập thu được từ hoạt động cho thuê.

- Chênh lệch thu, chi, cụ thể:

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự kiến tổng thu, chi giai đoạn 2025 - 2027		
		Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
1	Thu từ hoạt động cho thuê	812	844	878

2	Chi từ hoạt động cho thuê	730	760	790
-	<i>Chi từ tiền công, tiền lương</i>	237	267	297
-	<i>Chi phí khấu hao</i>	462	462	462
-	<i>Chi phí quản lý</i>	31	31	31
3	Chênh lệch thu, chi (1-2)	82	84	88
4	Chi phí thuế TNDN 20%	16	17	18
5	Chênh lệch thu, chi sau khi chi trả các khoản chi phí hợp lý có liên quan	66	67	70

Hàng năm, Trung tâm đều xây dựng kế hoạch tài chính và hoạt động trên cơ sở thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền, các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, hoạt động thu sự nghiệp phù hợp với chuyên môn của đơn vị.

Khi xây dựng Đề án, các khoản mục chi phí (chi phí tiền công, tiền lương; chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý, vận hành trong thời gian cho thuê và các chi phí khác có liên quan), Trung tâm xây dựng đều phù hợp với định mức, đơn giá kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành và quy định của pháp luật, trường hợp không có định mức, đơn giá kinh tế, kỹ thuật thì phải xác định trên cơ sở thực tế thị trường. Sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi, Trung tâm phân phối kết quả tài chính theo hướng dẫn tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ; Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính và Phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án cho thuê

a) Dự kiến chênh lệch thu chi bình quân hằng năm của đơn vị trong thời gian sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê; so sánh với chênh lệch thu chi bình quân 03 năm trước liền kề:

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự kiến thu, chi giai đoạn 2025 - 2027			Dự kiến thu, chi bình quân hằng năm của đơn vị (2025-2027)	So sánh chênh lệch thu chi bình quân 03 năm trước liền kề (2022-2024)
		Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027		

I	Tổng thu	6.512	6.772	7.042	6.775	103%
1	Thu từ hoạt động sự nghiệp	6.492	6.752	7.022	6.755	103%
2	Thu khác (nếu có)	20	20	20	20	109%
II	Tổng chi	5.543	5.647	5.754	5.648	103%
1	Chi từ hoạt động sự nghiệp	5.533	5.637	5.744	5.638	103%
2	Chi khác (nếu có)	10	10	10	10	111%
III	Tổng (Thu - Chi)	969	1.125	1.288	1.127	102%
IV	Chi phí thuế TNDN	194	225	258	225	102%
V	Chênh lệch thu, chi sau khi chi trả các chi phí hợp lý có liên quan	775	900	1.030	902	102%

- Dự kiến số tiền do ngân sách nhà nước cấp và tỷ trọng tiền do ngân sách nhà nước cấp trong tổng dự toán chi hằng năm của đơn vị trong thời gian sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết; so sánh với các chỉ tiêu tương ứng trong 03 năm trước liền kề;

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự kiến số tiền do NSNN cấp giai đoạn 2025 - 2027			Dự kiến số tiền do NSNN cấp bình quân hằng năm của đơn vị (2025-2027)	So sánh với các chỉ tiêu tương ứng trong 03 năm trước liền kề (2022-2024)
		Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027		
1	Chi sự nghiệp KHCN (Thực hiện nhiệm vụ KHCN, Chương trình phối hợp...)	402	717	829	649	160%

2	Chi hoạt động sự nghiệp (Hoạt động dịch vụ)	5.533	5.637	5.744	5.638	103%
3	Chi khác (nếu có)	10	10	10	10	111%
4	Tỷ trọng tiền do NSNN cấp trong tổng dự toán chi hàng năm của đơn vị	7,3%	12,7%	14,4%	11,5%	7,4%

Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: Tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để cho thuê mà không do ngân sách nhà nước đầu tư. Trung tâm sử dụng tài sản phục vụ cho mục đích cho thuê đảm bảo phù hợp, không ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không ảnh hưởng đến các hoạt động chung của Trung tâm.

b) Số lượng, chất lượng, mức giá dịch vụ sự nghiệp công dự kiến

Cơ sở xác định giá cho thuê: Thực hiện theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHCN ngày 6/6/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; đo liều chiếu xạ cá nhân; kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ (tại Phụ lục II.1 - Tên định mức: Đo liều chiếu xạ cá nhân) và Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trung tâm xây dựng giá dịch vụ cung cấp và đo liều chiếu xạ cá nhân trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, khảo sát giá cung cấp của một số đơn vị khác trên địa bàn trong và ngoài tỉnh (thông qua điện thoại, xin báo giá,...) để làm cơ sở đối chiếu, đảm bảo việc xác định giá dịch vụ cung cấp và đo liều chiếu xạ cá nhân, đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí và có khả năng cạnh tranh với thị trường, tạo nguồn thu ổn định, đảm bảo đời sống viên chức, người lao động, bảo toàn vốn, tài sản nhà nước và có tích lũy để tái đầu tư, thực hiện tốt phương án tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 11/8/2023.

Trung tâm dự kiến giá dịch vụ cung cấp và đo liều chiếu xạ cá nhân như sau:

Đvt: Đồng

Stt	Tên định mức	Đvt	Định mức kinh tế kỹ thuật	Giá cho thuê và đo liều chiếu xạ cá nhân	Ghi chú
1	Đo liều chiếu xạ cá nhân (Liều kế nhiệt phát quang màu xanh loại 02 chip)				
-	Cho thuê	Cái	400.000	400.000	<i>Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo</i>
-	Đọc liều kế	Cái	389.000	600.000	
Tổng cộng			789.000	1.000.000	
2	Đo liều chiếu xạ cá nhân (Liều kế nhiệt phát quang màu đen loại 02 chip)				
-	Cho thuê	Cái	200.000	200.000	<i>Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo</i>
-	Đọc liều kế	Cái	230.000	600.000	
Tổng cộng			430.000	800.000	
3	Đo liều chiếu xạ cá nhân (Liều kế nhiệt phát quang màu đen loại 01 chip)				
-	Cho thuê	Cái	200.000	200.000	<i>Chi tiết tại Phụ lục 07 kèm theo</i>
-	Đọc liều kế	Cái	179.000	400.000	
Tổng cộng			379.000	600.000	

- Đơn giá xây dựng trên chưa bao gồm thuế VAT.

- Giá cho thuê và đo liều chiếu xạ cá nhân cao hơn giá xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, phần chênh lệch là lợi nhuận để lại để tái đầu tư, thực hiện tốt phương án tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế và giá cả thị trường, giữa kỳ hợp đồng sẽ điều chỉnh giá cho thuê phù hợp với yêu cầu quản lý. Bảng giá được niêm yết giá công khai tại trụ sở đơn vị; đồng thời, thông báo công khai giá cho thuê tài sản trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính...

3. Việc đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản được thực hiện theo chủ trương, định mức, tiêu chuẩn và được xác định trong dự toán được giao; sử dụng tài sản hiệu quả. Thực hiện cơ chế công khai, minh bạch góp phần chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đơn vị đã thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, đảm bảo đúng quy định, đúng mục đích, đúng công năng, phát huy hiệu quả của tài sản hiện có và không để xảy ra tình trạng lãng phí tài sản, không ảnh hưởng đến các nhiệm vụ chuyên môn quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, phát huy hiệu quả kinh tế, tăng nguồn thu, hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn, tái tạo đầu tư cho đầu tư sửa chữa mua sắm tài sản tại đơn vị.

Trên cơ sở doanh thu từ việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, căn cứ vào tình hình thực tế đơn vị sẽ từng bước ổn định đầu tư, tăng nguồn thu hoạt động sự nghiệp trong những năm tiếp theo, ổn định, mở rộng các hoạt động dịch vụ, từng bước nâng cao khả năng tự chủ tài chính của đơn vị.

4. Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc thời gian liên doanh, liên kết hoặc chấm dứt hợp đồng trước hạn

(Mục này được áp dụng khi lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết. Các nội dung được xây dựng phải phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 47 Nghị định này).

Không.

5. Thời hạn thực hiện Đề án

Thời hạn thực hiện Đề án: 03 năm.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi của Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các phòng chuyên môn thuộc Sở, các cơ quan có liên quan và cùng với sự nỗ lực của tập thể viên chức và người lao động nên hoạt động của Trung tâm tương đối ổn định.

Dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn lao động và tiết kiệm năng lượng đủ khả năng phục vụ, đáp ứng các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đảm bảo việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh/cho thuê.

2. Khó khăn và hạn chế

Với cơ chế tự chủ tài chính, Trung tâm luôn phải đối mặt với áp lực lớn trong việc tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị trường dịch vụ, để đảm bảo nguồn thu ổn định, duy trì hoạt động của Trung tâm.

Hiện nay, số lượng đơn vị tư nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử ngày càng tăng. Đồng thời, các đơn vị này áp dụng nhiều cơ chế, chính sách chi hoa hồng cho khách hàng, gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị, làm phát sinh nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ.

Nhiều Công ty dừng sản xuất hoặc giảm quy mô sản xuất tác động đáng kể tới việc tìm kiếm khách hàng mới cũng như duy trì khách hàng cũ, mặt khác các đơn vị cắt giảm sản lượng sản xuất gây khó khăn trong hoạt động của Trung tâm.

Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá giữa các đơn vị vẫn diễn ra, mặc dù Thông tư số 41/2016/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định mức giá tối thiểu đối với dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

3. Giải pháp

Tăng cường hoạt động giới thiệu năng lực trên các kênh thông tin về dịch vụ an toàn bức xạ, an toàn lao động, kiểm toán năng lượng cho các tổ chức và cá nhân, các đơn vị trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận nhằm mở rộng phạm vi hoạt động và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ.

Phối hợp với các đơn vị, Trung tâm các tỉnh tổ chức đào tạo an toàn bức xạ, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động và triển khai thực hiện dịch vụ; đẩy mạnh tổ chức các lớp đào tạo an toàn bức xạ tại Trung tâm và các đơn vị có nhu cầu.

Tiếp tục thực hiện công tác liên hệ và gửi báo giá đến các công ty, doanh nghiệp đến hạn kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; đẩy mạnh hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

4. Đề xuất, kiến nghị

Không.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thảo

PHỤ LỤC VÀ TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Phụ lục 01: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất (2022 - 2024).
2. Phụ lục 02: Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo (2025 - 2027)
3. Phụ lục 03: Thực trạng quản lý tài sản công tại đơn vị.
4. Phụ lục 04: Cấu tạo liều kế nhiệt phát quang.
5. Phụ lục 05: Định mức kinh tế kỹ thuật (Đo liều chiếu xạ cá nhân - Liều kế nhiệt phát quang màu xanh loại 02 chip).
6. Phụ lục 06: Định mức kinh tế kỹ thuật (Đo liều chiếu xạ cá nhân - Liều kế nhiệt phát quang màu đen loại 02 chip).
7. Phụ lục 07: Định mức kinh tế kỹ thuật (Đo liều chiếu xạ cá nhân - Liều kế nhiệt phát quang màu đen loại 01 chip).
8. Khảo sát giá cung cấp của một số đơn vị khác trên địa bàn trong và ngoài tỉnh (thông qua điện thoại, xin báo giá,...)



PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG 03 NĂM GẦN NHẤT (2022 - 2024)

(Kèm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê số 07/TTUD-ĐA ngày 30/5/2025 của Trung tâm UDTBKH&CN)

Stt	Tên nhiệm vụ /Nội dung thực hiện	Đvt	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ghi chú
I	Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
1	Duy trì, bảo quản thiết bị, dụng cụ an toàn bức xạ hoạt động bình thường để phục vụ quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh (01 nhiệm vụ)	Triệu đồng	65	71	61	
2	Bảo hộ, quản lý và phát triển nhân hiệu tập thể “Dầu Tiếng” cho sản phẩm cam và bưởi của huyện Dầu Tiếng (01 dự án)	Triệu đồng		307		
3	Thực hiện chương trình phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ với Liên minh Hợp tác xã và Hội Nông dân tỉnh	Triệu đồng			209	
II	Kết quả hoạt động cung cấp dịch vụ					
1	Cung cấp và đọc liều chiếu xạ cá nhân (lượt đọc)	Liều ké	7476	8220	8244	
2	Kiểm định thiết bị X quang chẩn đoán y tế	Thiết bị	220	177	215	
3	Kiểm xạ (Đo suất liều bức xạ, khảo sát, đánh giá an toàn bức xạ)	Kết quả	408	365	420	
4	Tư vấn lập báo cáo đánh giá an toàn, kế hoạch ứng phó sự cố, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ	Báo cáo, hồ sơ	48	45	48	



Stt	Tên nhiệm vụ /Nội dung thực hiện	Đvt	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ghi chú
5	Phối hợp, tổ chức đào tạo an toàn bức xạ cho nhân viên vận hành thiết bị bức xạ, cho người phụ trách an toàn và cho người phụ trách kế hoạch ứng phó sự cố	Học viên	928	928	905	
6	Lắp đặt biogas xử lý môi trường	Hầm	0	0	0	
7	Kiểm toán năng lượng và thực hiện các giải pháp	Đơn vị	4	7	5	
8	Kiểm định, thử nghiệm kỹ thuật an toàn lao động	Thiết bị	932	990	1178	
9	Huấn luyện vệ sinh, an toàn lao động	Cơ sở	17	19	22	
10	Hướng dẫn kỹ thuật trồng meo nấm	Học viên	0	0	0	
11	Dịch vụ khác	Hợp đồng	0	0	0	
III	Kết quả hoạt động tài chính					
1	Tổng nguồn thu sự nghiệp	Triệu đồng	6.485	6.447	7.157	
1.1	Thu sự nghiệp KHCN (Nguồn NSNN)	Triệu đồng	65	71	270	
1.2	Thu dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng	6.399	6.356	6.873	
1.3	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).	Triệu đồng	21	20	14	
2	Tổng nguồn chi sự nghiệp	Triệu đồng	5.537	5.737	6.174	
2.1	Chi sự nghiệp KHCN (Nguồn NSNN)	Triệu đồng	65	71	270	
2.2	Chi tiền lương, tiền công	Triệu đồng	2.289	2.416	2.470	

Stt	Tên nhiệm vụ /Nội dung thực hiện	Đvt	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Ghi chú
2.3	Chi phí hoạt động chuyên môn	Triệu đồng	2.452	2.538	2.702	
2.4	Chi phí quản lý	Triệu đồng	483	521	483	
2.5	Chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có)	Triệu đồng	11	13	3	
2.6	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	237	178	246	
3	Chênh lệch thu, chi	Triệu đồng	948	710	983	
4	Phân phối kết quả tài chính trong năm	Triệu đồng				
4.1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng	1.198	866	844	
	- Từ chênh lệch thu chi thường xuyên	Triệu đồng	237	165	246	
	- Từ trích khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng	961	701	598	
4.2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập	Triệu đồng	261	0	0	
4.3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	Triệu đồng	400	495	507	
4.4	Trích lập quỹ khác (CCCTL)	Triệu đồng	50	50	230	

TỈNH BÌNH DƯƠNG



PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG CÁC NĂM TIẾP THEO (2025 - 2027)

(Kèm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê số 07/TTUD-ĐA ngày 30/5/2025 của Trung tâm UDTBKH&CN)

Stt	Tên nhiệm vụ /Nội dung thực hiện	Đvt	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	Dự toán năm 2027	Ghi chú
I	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
1	Duy trì, bảo quản thiết bị, dụng cụ an toàn bức xạ hoạt động bình thường để phục vụ quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh	Triệu đồng	97	117	129	
2	Thực hiện chương trình phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ với Liên minh Hợp tác xã và Hội Nông dân tỉnh	Triệu đồng	305	600	700	
II	Kết quả hoạt động cung cấp dịch vụ					
1	Cung cấp và đọc liều chiếu xạ cá nhân (lượt đọc)	Liều kế	8244	8575	8920	
2	Kiểm định thiết bị X quang chẩn đoán y tế	Thiết bị	210	220	230	
3	Kiểm xạ (Đo suất liều bức xạ, khảo sát, đánh giá an toàn bức xạ)	Kết quả	400	410	420	
4	Tư vấn lập báo cáo đánh giá an toàn, kế hoạch ứng phó sự cố, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ	Báo cáo, hồ sơ	40	42	44	
5	Phối hợp, tổ chức đào tạo an toàn bức xạ cho nhân viên vận hành thiết bị bức xạ, cho người phụ trách an toàn và cho người phụ trách kế hoạch ứng phó sự cố	Học viên	898	930	970	



Stt	Tên nhiệm vụ /Nội dung thực hiện	Đvt	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	Dự toán năm 2027	Ghi chú
4	Phân phối kết quả tài chính trong năm	Triệu đồng				
4.1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng	481	513	545	
	- Từ chênh lệch thu chi thường xuyên	Triệu đồng	181	213	245	
	- Từ trích khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng	300	300	300	
4.2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập	Triệu đồng	0	0	0	
4.3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	Triệu đồng	544	638	735	
4.4	Trích lập quỹ khác (CCTL)	Triệu đồng	50	50	50	





PHỤ LỤC 03

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ

Kiểm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê số 07/TTUD-ĐA ngày 30/5/2025 của Trung tâm UDTBKH&CN)

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024	Ghi chú
I	Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất				
1	Trụ sở làm việc	01	3.477	1.723	
2	Nhà xe	01	71	26	
II	Quyền sử dụng đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp				
III	Xe ô tô và phương tiện vận tải khác				
1	Xe Toyota Hilux 2.5E Model: Kun15L - PRMSYM	01	536	140	
IV	Tài sản khác				
IV.1	Máy móc thiết bị chuyên dùng				
1	Máy siêu âm khuyết tật kim loại	01	160	-	
2	Máy phân tích điện năng tự ghi	02	82	-	
3	Thiết bị phân tích khí thải	01	54	-	
4	Thiết bị đo lưu lượng siêu âm	01	74	-	
5	Hệ kiểm định máy X-quang y tế	01	169	-	
6	Bộ kiểm định máy chụp CT, phantom, kiểm tra chất lượng hình ảnh	01	52	-	
7	Bộ kiểm tra chất lượng máy X-quang, tăng sáng truyền hình	01	26	-	
8	Buồng ion hóa áp suất cao	01	42	-	



STT	Tên đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024	Ghi chú
9	Thiết bị đo tải trọng thử (Lực kế điện từ 1 tấn)	01	90	-	
10	Thiết bị đo tải trọng thử (Lực kế điện từ 5 tấn)	01	109	-	
11	Thiết bị đo tải trọng thử (Lực kế điện từ 10 tấn)	01	143	-	
12	Thiết bị đo tải trọng thử (Lực kế điện từ 20 tấn)	01	187	-	
13	Thiết bị đo tải trọng thử (Lực kế điện từ 50 tấn)	01	353	-	
14	Thiết bị đo tải trọng thử (Bộ hiển thị giao tiếp từ xa)	01	76	-	
15	Panme hiện số (số dài đo 25-50 mm)	01	10	-	
16	Panme hiện số (số dài đo 50-75 mm)	01	12	-	
17	Panme hiện số (số dài đo 75-100 mm)	01	14	-	
18	Thiết bị phụ trợ khác để đo kích thước	01	38	-	
19	Thiết bị đo khoảng cách điện từ	01	23	-	
20	Thiết bị đo tốc độ vòng quay	01	27	-	
21	Thiết bị đo điện trở cách điện - chỉ thị số	01	86	-	
22	Thiết bị đo điện trở đất - Điện trở suất của đất - chỉ thị số	01	47	-	
23	Ampe kim chỉ thị số	01	11	-	
24	Máy đo cường độ ánh sáng	01	36	-	
25	Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại	01	28	-	
26	Thiết bị đo gió công nghệ không dây	01	42	-	
27	Máy đo ồn điện từ cầm tay	01	21	-	
28	Máy kinh vĩ điện từ	01	26	-	

STT	Tên đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024	Ghi chú
29	Máy thủy bình	01	12	-	
30	Tải trọng chuẩn thử thang máy	01	49	-	
31	Mẫu chuẩn cho máy siêu âm MUS 35	01	163	-	
32	Bàn tạo áp suất dạng Piston	01	125	-	
33	Chỉ thị chuẩn áp suất điện tử cấp chính xác 0.1%	03	95	-	
34	Bàn tạo áp suất khí nén dải trung	01	23	-	
35	Bơm áp lực cao điều khiển điện	01	194	-	
36	Bơm áp lực nhỏ điều khiển điện	01	24	-	
37	Bộ gá thử van an toàn	01	83	-	
38	Máy rò khí Gas lạnh	01	15	-	
39	Máy rò khí Gas hóa lỏng	01	14	-	
40	Máy siêu âm đo chiều dày thành bình	01	49	-	
41	Máy nội soi bên kiểm tra bên trong đường ống	01	162	-	
42	Thiết bị dụng cụ phụ trợ khác	01	68	-	
43	Thiết bị X quang chụp răng và vú	01	831	575	
44	Thiết bị đo suất liều và nhận dạng đồng vị phóng xạ	01	183	-	
45	Hệ kiểm định máy X-quang y tế	01	169	-	
46	Buồng ion hóa áp suất cao	01	42	-	
47	Hệ đo liều CT (Phantom đo liều CT)	01	182	-	
48	Hệ đo liều CT (Đầu đo buồng Ion hóa)	01	201	-	

STT	Tên đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024	Ghi chú
49	Hệ đo liều CT (Chamber Adapter)	01	19	-	
50	Hệ phân tích Gamma phòng thấp	01	1.979	-	
51	Các mẫu chuẩn cho Hệ phổ kế Gamma phòng thấp	01	23	-	
52	Bộ phần mềm phân tích phổ Gamma	01	92	-	
53	Tủ sấy Model ED53	01	36	-	
54	Máy nghiền bi sứ Model SO-V	01	29	-	
55	Cân phân tích 4 số lẻ Model AS220.3Y	01	72	-	
56	Cân kỹ thuật Model WLC0.6/B1	01	15	-	
57	Máy phát tia X	01	390	-	
58	Máy đo liều phóng xạ xách tay	01	11	-	
59	Hệ cảnh báo phóng xạ cho phòng chụp ảnh phóng xạ	01	16	-	
60	Bộ tài liệu (copy)	01	10	-	
61	Thiết bị kiểm tra phóng phóng xạ Radon trong nhà ở, công sở	01	102	-	
62	Máy đọc liều kế phát quang tự động	01	1.376	-	
63	Thiết bị chiếu chuẩn cho Hệ đọc liều kế nhiệt phát quang	01	766	-	
64	Máy hàn nhựa Lesiter Comet	01	248	-	
65	Máy hàn nhựa Lesiter Fusion 3	01	99	-	
IV.2	Máy móc thiết bị văn phòng				
1	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	01	18	-	
2	Máy Laptop HP Envy 4	01	20	-	

STT	Tên đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024	Ghi chú
3	Máy chiếu Sony VPL-EX175	01	23	-	
4	Máy photo Ricoh MP 2554SP	01	90	-	
5	Máy vi tính xách tay (Laptop HP)	05	75	-	
6	Máy chiếu sử dụng cho phòng Hội trường	01	32	10	
7	Máy lạnh phòng HCTH	01	19	10	
8	Máy tính văn phòng Dell Vostro 3681 STI38400W1-4G-1T	09	129	66	
9	Máy tính xách tay văn phòng 7T2YC2 (NB) DELL VOS15 3510 i5	03	45	23	
10	Máy vi tính để bàn (HP)	02	29	25	
11	Máy lạnh Daikin ATKF 35YVMV (1.5)	01	13	13	
IV.3	Tài sản cố định vô hình				
1	Phần mềm kế toán Misa	01	11	-	
2	Phần mềm kế toán Misa Online	01	13	13	
	TỔNG CỘNG		14.608	2.624	



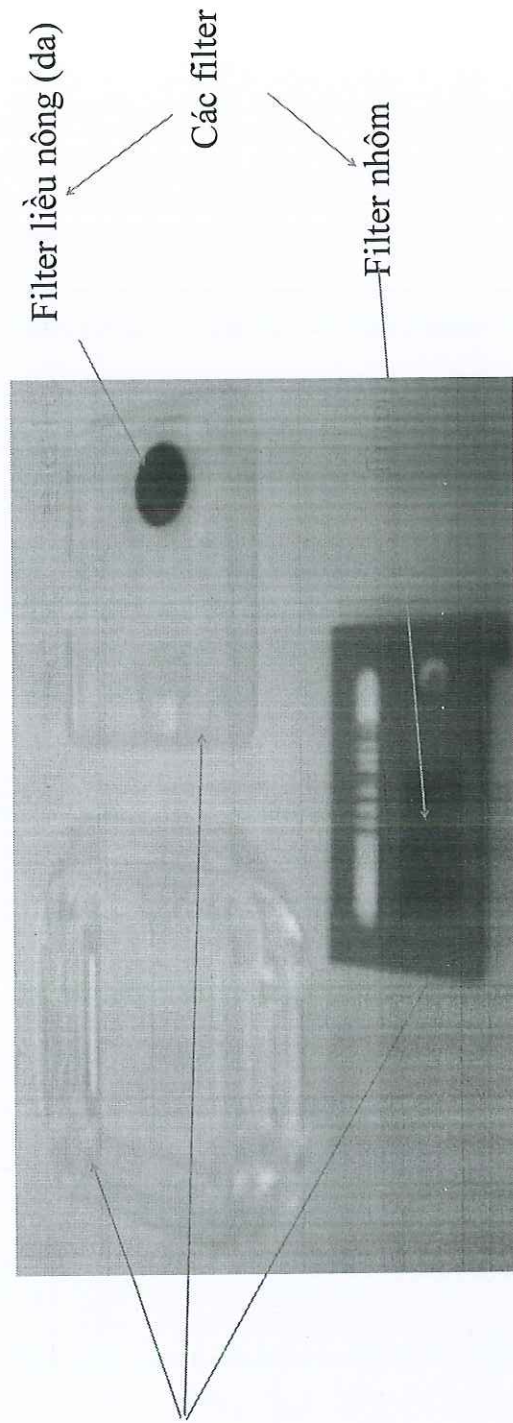


PHỤ LỤC 04

CẤU TẠO LIỀU KẾ NHIỆT PHÁT QUANG

(Kèm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê số 07/TTUD-ĐA ngày 30/5/2025 của Trung tâm UDTBKH&CN)

Vỏ nhựa bên ngoài màu trắng có tấm filter nhựa màu đen.

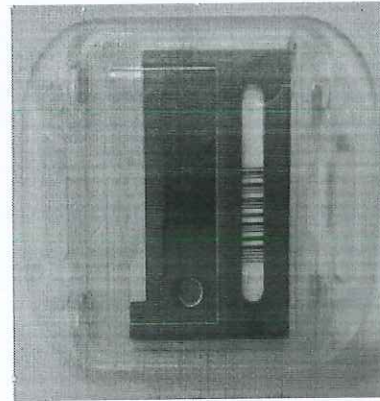


Vỏ liệu kế

Filter liệu nồng (da)

Các filter

Filter nhôm



Chip



4	Trả liệu kế cá nhân và kết quả đánh giá liệu cho khách hàng	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909	10.134
TỔNG CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP							95.105
* Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 10% định mức lao động trực tiếp							9.510
TỔNG CÔNG LAO ĐỘNG							104.615

2. Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Mức trích KH/HM	Tổng định mức
1	Máy đo liệu kế cá nhân	Loại thông dụng	Ca	0,031	1.376.279.000	12,5%	5.333.081
2	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,125	13.350.000	12,5%	208.594
3	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,125	14.280.000	20%	357.000
4	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,031	5.190.000	20%	32.178
5	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,031	90.000.000	20%	558.000
6	Máy hút ẩm	Loại thông dụng	Ca	0,125	10.000.000	20%	250.000
7	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	1,000	3.291.000	12,5%	411.375

8	Ấm kê		Loại thông dụng	Ca	1,000	100.000	12,5%	12.500
9	Áp kê		Loại thông dụng	Ca	1,000	380.000	12,5%	47.500
TỔNG ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ/NĂM								
TỔNG ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ/NGÀY (01 năm có 240 ngày làm việc (365 ngày -52 tuần *2 ngày "thứ 7, chủ nhật" - 09 ngày lễ - 12 ngày phép = 240 ngày								
30.043								

3. Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá (đồng)	Tổng
1	Cồn tinh khiết	ml	20	140	2.800
2	Khí Nitơ	Chai	0,05	660.000	33.000
3	Túi zip	Cái	2	2.000	4.000
4	Sổ công tác	Cuốn	0,1	20.000	2.000
5	Khẩu trang	Cái	2	2.000	4.000
6	Găng tay	Đôi	2	2.000	4.000
7	Giấy A4	Gram	0,15	75.000	11.250
8	Mực in laser	Hộp	0,05	600.000	30.000
9	Ghim	Hộp	0,1	4.400	440
10	Bút ghi chép	Hộp	0,1	5.000	500

11	File tài liệu	Cái	1	20.000	20.000
12	Túi đựng tài liệu	Cái	1	4.000	4.000
13	Giấy lau	Hộp	0,1	40.000	4.000
14	Đép đi trong phòng	Đôi	0,04	-	-
15	Băng dính	Cuộn	0,05	15.000	750
TỔNG ĐỊNH MỨC VẬT TƯ					120.740

4. Chi phí khấu hao liên kế

Stt	Tên tài sản	Đơn giá/cái	Tỷ lệ khấu hao	Số tiền	Ghi chú
1	Liều kế nhiệt phát quang màu xanh - Mỹ (200 cái loại 2 Chip)	1.957.200	12,5%	0	Hết giá trị khấu hao
2	Liều kế nhiệt phát quang màu xanh - Mỹ (1000 cái loại 2 Chip)	4.272.100	12,5%	534.013	CCDC
TỔNG CHI PHÍ KHẤU HAO				534.013	



PHỤ LỤC 05

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

Đo liều chiếu xạ cá nhân - Liều kế nhiệt phát quang màu xanh loại 02 chip
(model: TLD-100, nhà sản xuất: Thermo Fisher Scientific (Thermo Eberline LLC) - Mỹ)

Kèm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê số 07/TTUD-ĐA ngày 30/5/2025 của Trung tâm UDTBKH&CN)

789.411
789.000

TỔNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
TỔNG ĐỊNH MỨC KTKT (làm tròn số)

1. Định mức lao động trực tiếp

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Lương 1 ngày
1	Kiểm soát điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
2	Tiếp nhận, bảo quản, bàn giao liều kế	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
3	Đo và đánh giá liều cá nhân	01	Trưởng nhóm	Kỹ sư bậc 5/9 hoặc tương đương	0,125	436.545
3.1	Đo và đánh giá liều cá nhân	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
						Tổng cộng
						10.134
						10.134
						54.568
						10.134



PHỤ LỤC 06
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

Đo lường chiếu xạ cá nhân - Liều kế nhiệt phát quang màu đen loại 02 chip
(model: MTS-N, hãng sản xuất: Radpro – Đức)

Kèm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê số 07/TTUD-ĐA ngày 30/5/2025 của Trung tâm UDTBKH&CN)

TỔNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
TỔNG ĐỊNH MỨC KTKT (làm tròn số)
430.398
430.000

1. Định mức lao động trực tiếp

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Lương 1 ngày
1	Kiểm soát điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
2	Tiếp nhận, bảo quản, bàn giao liều kế	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
3	Đo và đánh giá liều cá nhân	01	Trưởng nhóm	Kỹ sư bậc 5/9 hoặc tương đương	0,125	436.545
3.1	Đo và đánh giá liều cá nhân	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
						10.134
						10.134
						54.568
						10.134



4	Trả liệu kế cá nhân và kết quả đánh giá liệu cho khách hàng	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909	10.134
TỔNG CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP							
* Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 10% định mức lao động trực tiếp							
TỔNG CÔNG LAO ĐỘNG							
							95.105
							9.510
							104.615

2. Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Mức trích KH/HM	Tổng định mức
1	Máy đo liệu kế cá nhân	Loại thông dụng	Ca	0,031	1.376.279.000	12,5%	5.333.081
2	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,125	13.350.000	12,5%	208.594
3	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,125	14.280.000	20%	357.000
4	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,031	5.190.000	20%	32.178
5	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,031	90.000.000	20%	558.000
6	Máy hút âm	Loại thông dụng	Ca	0,125	10.000.000	20%	250.000

7	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	1,000	3.291.000	12,5%	411.375
8	Ăm kế	Loại thông dụng	Ca	1,000	100.000	12,5%	12.500
9	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	1,000	380.000	12,5%	47.500
TỔNG ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ/NĂM							7.210.228
TỔNG ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ/NGÀY (01 năm có 240 ngày làm việc (365 ngày -52 tuần *2 ngày "thứ 7, chủ nhật" - 09 ngày lễ - 12 ngày phép = 240 ngày							30.043

3. Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá (đồng)	Tổng
1	Cồn tinh khiết	ml	20	140	2.800
2	Khí Nito	Chai	0,05	660.000	33.000
3	Túi zip	Cái	2	2.000	4.000
4	Sổ công tác	Cuốn	0,1	20.000	2.000
5	Khẩu trang	Cái	2	2.000	4.000
6	Găng tay	Đôi	2	2.000	4.000
7	Giấy A4	Gram	0,15	75.000	11.250

8	Mực in laser	Hộp	0,05	600.000	30.000
9	Ghim	Hộp	0,1	4.400	440
10	Bút ghi chép	Hộp	0,1	5.000	500
11	File tài liệu	Cái	1	20.000	20.000
12	Túi đựng tài liệu	Cái	1	4.000	4.000
13	Giấy lau	Hộp	0,1	40.000	4.000
14	Dép đi trong phòng	Đôi	0,04	-	-
15	Băng dính	Cuộn	0,05	15.000	750
TỔNG ĐỊNH MỨC VẬT TƯ					120.740

4. Chi phí khấu hao liềm kê

Stt	Tên tài sản	Đơn giá/cái	Tỷ lệ khấu hao	Số tiền	Ghi chú
1	Liềm kê nhiệt phát quang màu đen - Đức (450 cái loại 2 Chip)	1.400.000	12,5%	175.000	CCDC
TỔNG CHI PHÍ KHẤU HAO				175.000	



PHỤ LỤC 07

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

Do liệu chiếu xạ cá nhân - Liệu kế nhiệt phát quang màu đen loại 01 chip
(model: MTS-N, hãng sản xuất: Radpro – Đức)

(Kèm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê số 07/TTUD-ĐA ngày 30/5/2025 của Trung tâm UDTBKH&CN)

379.148
379.000

TỔNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

TỔNG ĐỊNH MỨC KTKT (làm tròn số)

1. Định mức lao động trực tiếp

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Lương 1 ngày
1	Kiểm soát điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
2	Tiếp nhận, bảo quản, bàn giao liệu kế	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
3	Đo và đánh giá liều cá nhân	01	Trưởng nhóm	Kỹ sư bậc 5/9 hoặc tương đương	0,125	436.545
3.1	Đo và đánh giá liều cá nhân	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909
						Tổng cộng
						10.134
						10.134
						54.568
						10.134

4	Trả liệu kế cá nhân và kết quả đánh giá liệu cho khách hàng	01	Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9 hoặc tương đương	0,031	326.909	10.134
TỔNG CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP							95.105
* Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 10% định mức lao động trực tiếp							9.510
TỔNG CÔNG LAO ĐỘNG							104.615

2. Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Mức trích KH/HM	Tổng định mức
1	Máy đo liệu kế cá nhân	Loại thông dụng	Ca	0,031	1.376.279.000	12,5%	5.333.081
2	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,125	13.350.000	12,5%	208.594
3	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,125	14.280.000	20%	357.000
4	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,031	5.190.000	20%	32.178
5	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,031	90.000.000	20%	558.000
6	Máy hút ẩm	Loại thông dụng	Ca	0,125	10.000.000	20%	250.000
7	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	1,000	3.291.000	12,5%	411.375

8	Âm kế	Loại thông dụng	Ca	1,000	100.000	12,5%	12.500
9	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	1,000	380.000	12,5%	47.500
TỔNG ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ/NĂM							7.210.228
TỔNG ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ/NGÀY (01 năm có 240 ngày làm việc (365 ngày -52 tuần *2 ngày "thứ 7, chủ nhật" - 09 ngày lễ - 12 ngày phép = 240 ngày							30.043

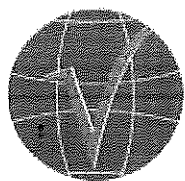
3. Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá (đồng)	Tổng
1	Cồn tinh khiết	ml	20	140	2.800
2	Khí Nitơ	Chai	0,05	660.000	33.000
3	Túi zip	Cái	2	2.000	4.000
4	Sổ công tác	Cuốn	0,1	20.000	2.000
5	Khẩu trang	Cái	2	2.000	4.000
6	Găng tay	Đôi	2	2.000	4.000
7	Giấy A4	Gram	0,15	75.000	11.250
8	Mực in laser	Hộp	0,05	600.000	30.000
9	Ghim	Hộp	0,1	4.400	440
10	Bút ghi chép	Hộp	0,1	5.000	500

11	File tài liệu	Cái	1	20.000	20.000
12	Túi đựng tài liệu	Cái	1	4.000	4.000
13	Giấy lau	Hộp	0,1	40.000	4.000
14	Đép đi trong phòng	Đôi	0,04	-	-
15	Băng dính	Cuộn	0,05	15.000	750
TỔNG ĐỊNH MỨC VẬT TƯ					120.740

4. Chi phí khấu hao liềm kê

Stt	Tên tài sản	Đơn giá/cái	Tỷ lệ khấu hao	Số tiền	Ghi chú
1	Liềm kê nhiệt phát quang màu đen - Đức (450 cái loại 1 Chip)	990.000	12,5%	123.750	CCDC
TỔNG CHI PHÍ KHẤU HAO				123.750	



CÔNG TY CP KHOA HỌC KỸ THUẬT - HUẤN LUYỆN VÀ KIỂM ĐỊNH VIỆT
VPGD và PTN: Đường DX17, Phú Thọ, Phú Chánh, Tân Uyên, Bình Dương
Vp Tp.HCM: K60, KDC Thới An, Đường Lê Thị Riêng, Q12, Tp.HCM
Điện thoại: (0274) 3868738 Email: viet@vietsci.com
Website: www.vietsci.com www.antoanbucxasci.com

BÁO GIÁ

Số: BG0006432

Ngày: 23/05/2025

Dịch vụ ứng dụng năng lượng nguyên tử

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

Địa chỉ: ĐT 747 Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty CP Khoa học kỹ thuật – Huấn luyện và kiểm định Việt. Công ty báo giá đến Quý Đơn vị với các nội dung sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (vnd)	VAT	Thành tiền (vnd)
1	Dịch vụ cung cấp và trả kết quả đo liều chiếu xạ cá nhân (TLD) trong thời hạn 01 năm	Liều kế	7	1.000.000	5%	7.000.000
Tổng giá trị chưa gồm VAT						7.000.000
VAT						350.000
Tổng giá trị đã bao gồm VAT						7.350.000
<i>(Bằng chữ: Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)./.</i>						

Lưu ý:

- Báo giá này có hiệu lực đến hết ngày: **31/12/2025**

- Địa điểm sử dụng liều kế: **TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ TÂN UYÊN**

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản/tiền mặt chia làm 2 đợt:

Đợt 1: Thanh toán 50% giá trị ngay sau khi ký hợp đồng hoặc sau khi xác nhận báo giá.

Đợt 2: Thanh toán 50% giá trị còn lại khi hoàn thiện dịch vụ và chứng từ thanh toán hợp lệ.

- Đơn vị thụ hưởng:

Công ty CP Khoa học Kỹ thuật - Huấn luyện và Kiểm định Việt

Số tài khoản: 290586768 tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - CN Bình Dương

Quý Đơn vị vui lòng cho biết ý kiến về số điện thoại (0274) 3868738, di động 0909711460

- Lê Thị Hồng Hương, email: lhhuong@vietsci.com hoặc Fax phiếu xác nhận để chúng tôi sắp xếp thực hiện.

Trân trọng./.

TUQ.GIÁM ĐỐC
NGƯỜI BÁO GIÁ

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hương

Số: 029T/BG-2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Chi nhánh II Công ty Cổ Phần Bệnh viện Quốc tế Perfect

Công ty TNHH Công nghệ Ratech xin gửi đến Quý đơn vị bảng báo giá dịch vụ khoa học công nghệ, chi tiết như sau:

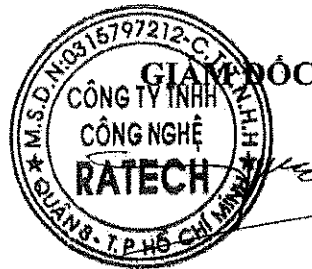
TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Cung cấp, đọc và trả kết quả liệu kế cá nhân trong 01 năm (01 lần đọc/03 tháng, 04 lần đọc/năm)	Liệu kế	01	1.200.000	1.200.000
Thuế VAT 5%:					60.000
Tổng cộng sau thuế:					1.260.000

(Bằng chữ: Một triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng.)

Ghi chú:

- Báo giá đã bao gồm cung cấp liệu kế cho quý khách sử dụng trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Báo giá có giá trị trong vòng 60 ngày.
- Phương thức thanh toán: theo thỏa thuận.

Trân trọng kính chào và mong nhận được sự hợp tác.

**Hoàng Huy Long**



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN
Địa chỉ: 23 Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Chi nhánh: 7 Nguyễn Bình Khiêm, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0982 036 249, Website: antoanbucxa247.com

BẢO GIÁ DỊCH VỤ AN TOÀN BỨC XẠ

Kính gửi: Công ty TNHH HTV Yo's Dental

Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Tiên Tiến trân trọng cảm ơn Quý Công ty đã quan tâm đến các loại hình Dịch vụ của Công ty chúng tôi. Đáp ứng yêu cầu chúng tôi xin gửi đến Quý Đơn vị bảng giá dịch vụ như sau:

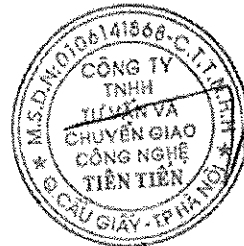
STT	Nội dung dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dịch vụ đọc kết quả liều kế cá nhân định kỳ 3 tháng/lần (trong vòng 12 tháng)/ 1 liều kế - Đo các chỉ tiêu theo quy định: + Liều bức xạ tương đương toàn thân Hp (10) Loại liều kế: Liều kế cá nhân nhiệt phát quang Model: TLD Badge Hãng sản xuất: Rados (Mirion Technologies) Xuất xứ: EU	1	1.200.000	1.200.000
Thuế GTGT 5%				60.000
TỔNG CỘNG				1.260.000

ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI:

- Giá trên đã bao gồm 5% thuế GTGT và chi phí thực hiện dịch vụ
- Thông tin chi tiết vui lòng liên lạc: Xuân 0982 036 249,

TP.HCM, ngày tháng năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thị Hương